TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DUYÊN H** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/HNGĐ-ST
Ngày 31-3-2022
V/v: ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DUYÊN H, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Kim Thị Hồng Nga
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Kim Thị Kha Na
2. Bà Phạm Thị Hồng Diễm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Trường, là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Duyên H, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duyên H, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Kim Mau - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Duyên H, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2021 về ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23a/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/02/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/3/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Hà Văn Th, sinh năm 1969. Địa chỉ ấp Mé L, xã Ngũ L, huyện Duyên H, tỉnh Trà Vinh. Đề nghị xét xử vắng mặt

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị Út E, sinh năm 1968. Địa chỉ ấp Mé L, xã Ngũ L, huyện Duyên H, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt không lý do

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 02/7/2021, lời khai quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Hà Văn Th trình bày yêu cầu:

Về hôn nhân, năm 1991 ông với bà Trần Thị Út E tự nguyện kết hôn với nhau. Quá trình sống chung xảy ra nhiều mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng nguyên nhân phát sinh từ những việc nhỏ trong sinh hoạt trong gia đình như vấn đề làm kinh tế gia đình bà Út E không bàn bạc thống nhất với ông mà tự quyết, còn nghe lời người ngoài rồi ghen tuông vô cớ, vợ chồng không còn hạnh phúc do thường xảy ra cự cải xung đột, không chịu được nên từ tháng 02/2021âl ông bỏ đi ở nhà mẹ ruột cho đến nay và vẫn giữ yêu cầu ly hôn.

Về con chung, ông với bà Trần Thị Út E có một người con chung tên Hà Hữu Ph, sinh năm 1993 hiện đã thành niên có gia đình riêng vợ, con và thường ngày sinh sống cùng với bà Trần Thị Út E nên về vấn đề nuôi con và cấp dưỡng nuôi con ông không yêu cầu.

Về quyền chung về tài sản, có nhà đất tọa lạc tại ấp Mé L, xã Ngũ L nơi hiện nay bà Trần Thị Út E sinh sống cùng với con chung, ông không yêu cầu chia tài sản khi ly hôn mà đồng ý để cho con sở hữu và cùng ở với bà Trần Thị Út E.

Về nghĩa vụ chung về tài sản, ông xác nhận là không có nên không yêu cầu. Riêng lời bà Út E cho rằng có nợ chung và yêu cầu ông cùng trả là không đúng mà đó là nợ riêng của bà Út E, không phải nợ chung nên ông không đồng ý cùng trả theo bà Út E yêu cầu.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/12/2021, lời trình bày trong phiên hòa giải ngày 14/12/2021 bị đơn bà Trần Thị Út E khai cho rằng.

Về hôn nhân, bà cũng thừa nhận thời gian kết hôn như ông Th khai là đúng, nhưng không đồng ý ly hôn vì cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì trầm trọng, tự ông Th muốn ly hôn thì tùy ông Th. Nhưng nếu ông Th muốn ly hôn thì phải cùng trả nợ ½ bằng 100.000.000 đồng thì bà sẽ đồng ý ký ly hôn theo ông Th mong muốn.

Về con chung, bà thừa nhận có con chung là Hà Hữu Ph, sinh năm 1993 đã thành niên có gia đình riêng vợ, con và sinh sống cùng bà tại nhà, đất tọa lạc tại ấp Mé L, xã Ngũ L như ông Th khai là đúng nên vấn đề nuôi con và cấp dưỡng nuôi con bà cũng thống nhất theo ông Th là không yêu cầu.

Về quyền chung về tài sản, bà thừa nhận có nhà đất tọa lạc tại ấp Mé L, xã Ngũ L nơi hiện nay bà sinh sống cùng với con chung Hà Hữu Ph và bà cũng không yêu cầu chia tài sản khi ly hôn như ông Hà Văn Th.

Về nghĩa vụ chung về tài sản, bà khai có thiếu tiền một số người tổng cộng khoảng hai trăm triệu đồng và yêu cầu ông Th có nghĩa vụ trả ½ bằng một trăm triệu đồng, bà sẽ cung cấp cho Tòa họ, tên, địa chỉ của những chủ nợ trong thời hạn 07 ngày (từ ngày 14/12/2021) theo Tòa án yêu cầu.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán về việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chấp hành việc có mặt theo thông báo, giấy triệu tập và đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn có chấp hành có mặt theo thông báo hòa giải nhưng vắng mặt không lý do trong hai lần triệu tập xét xử nên đủ điều kiện xét xử vắng mặt.

Về việc giải quyết vụ án:

Theo đơn khởi kiện, cùng các lời khai của ông Th và bà Út E cho thấy hai người kết hôn năm 1991, thời gian đầu sống hạnh phúc nhưng về sau phát sinh mâu thuẫn và năm 2021 ông Th bỏ nhà về ở bên mẹ ruột và kiên quyết đòi ly hôn, nhận thấy: hôn nhân không còn hạnh phúc; về con chung Hà Hữu Ph đã trưởng thành nên không yêu cầu; tài sản chung ông Th không yêu cầu; nợ chung ông Th khai không có nên không yêu cầu.

Quá trình giải quyết vụ án, lời khai bà Út E cho rằng có nợ chung khoảng hai trăm triệu đồng phát sinh vì mục đích chi tiêu, sinh hoạt gia đình và yêu cầu ông Th trả một trăm triệu đồng thì đồng ý ly hôn, nhưng bà Út E không cung cấp

chứng cứ nên không có cơ sở giải quyết phần nợ này, trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp liên quan đến khoản nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân sau khi ly hôn thì dành cho họ một vụ kiện khác theo quy định pháp luật.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng khoản 1 Điều 9, các Điều 53, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình; áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Về hôn nhân: Chấp nhận cho nguyên đơn ông Hà Văn Th được ly hôn với bà Trần Thị Út E; về con chung anh Hà Hữu Ph, sinh năm 1993 đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết; tài sản chung và nợ chung không xem xét giải quyết; Án phí hôn nhân sơ thẩm đề nghị buộc nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Những yêu cầu, kiến nghị đề nghị cần khắc phục: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Sự vắng mặt tại phiên tòa của ông Hà Văn Th là đề nghị xét xử vắng mặt. Riêng bà Trần Thị Út E vắng mặt không lý do mà không có đề nghị xét xử vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan. Xét thấy việc cấp, tống đạt quyết định, giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho bà Út E do chị Huỳnh Thị D là con dâu sinh sống chung nhà nhận thay và có giao lại bà Út E biết nên đây là triệu tập hợp lệ theo điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Tại đơn khởi kiện, các lời khai của ông Hà Văn Th cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn phát sinh do sinh hoạt hàng ngày trong gia đình, bà Út E tự tiện quyết định không tôn trọng ý kiến của ông và thường ghen vô cớ, từ tháng 02/2021âl hai người không còn sống chung cho đến nay. Xét hôn nhân của ông bà là hợp pháp, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, thể hiện tại giấy chứng nhận kết hôn số: 113, quyển I, đăng ký ngày 19/7/2004 tại Ủy ban nhân dân xã Ngũ L, huyện Duyên H, tỉnh Trà Vinh. Bà Út E không đồng ý ly hôn và vắng mặt tại phiên tòa, nhưng tại biên bản lấy lời khai, hòa giải bà xác nhận không còn sống chung ông Thiện từ tháng 02/2021 như ông Th khai và nguyên nhân bà không đồng ý ly hôn là không phải xuất phát từ việc mong muốn hàn gắn, đoàn tụ mà do ông Th không cùng chịu trách nhiệm trả nợ chung, bà đưa ra điều kiện ông Th phải cùng trả hết nợ mới chịu ly hôn. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã giải thích về quyền, nghĩa vụ cung cấp chứng cứ như họ tên địa chỉ của các chủ nợ để Tòa án xem xét giải quyết chung trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật, nhưng bà Út E không cung cấp theo Tòa án yêu cầu. Từ đó, xét thấy từ tháng 02/2021 âl ông Th và bà Út E không còn sống chung với nhau, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mỗi người có cuộc sống, công việc riêng, hai bên không tạo điều kiện để hàn gắn, mục đích hôn nhân xây dựng gia đình hạnh phúc không đạt được. Do đó, có cơ sở xác định hôn nhân của hai người xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn trở về tiếp tục sống chung. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông Th ly hôn với bà Út E.

[3] Quyền, nghĩa vụ đối với con chung, ông Th và bà Út E cùng khai xác nhận có con chung là anh Hà Hữu Ph, sinh năm 1993. Xét thấy, anh Ph đã thành niên và có khả năng lao động, vấn đề nuôi con và cấp dưỡng nuôi con ông Thiện và bà Út E không yêu cầu nên không giải quyết.

[4] Về quyền đối với tài sản chung, ông Th và bà Út E cùng khai xác nhận có nhà đất tọa lạc tại ấp Mé L, xã Ngũ L nơi hiện nay bà Út E sinh sống cùng với anh Ph. Ông Th và bà Út E không yêu cầu chia tài sản khi ly hôn nên không giải quyết.

[5] Về nghĩa vụ đối với tài sản chung, từ khi thụ lý vụ án đến ngày xét xử ông Th khai xác nhận không có và không yêu cầu gì khác. Bà Út E khai có nợ chung, nhận thấy: như nhận định ở phần [2] trên, Tòa án đã giải thích về quyền, nghĩa vụ cung cấp chứng cứ như họ tên địa chỉ của các chủ nợ để Tòa án xem xét giải quyết chung trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật và ấn định thời hạn cho bà Út E (hai lần) nhưng bà Út E vẫn không có mặt và không cung cấp thì coi như bà Út E từ bỏ việc yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết phần nợ chung trong cùng vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử không giải quyết chung trong vụ án ly hôn, trường hợp nếu thật sự ông Thiện và bà Út E có nợ chung và các chủ nợ có yêu cầu khởi kiện thì họ có quyền khởi kiện theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[6] Quan điểm phát biểu của Kiểm sát viên là có cơ sở, phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà Út E không ai phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, 227, 228, 238 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ các Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hà Văn Th.

Về hôn nhân: Cho ông Hà Văn Th được ly hôn với bà Trần Thị Út E.

Về quyền, nghĩa vụ đối với con chung: Không giải quyết.

Về quyền đối với tài sản chung: Không giải quyết.

Về nghĩa vụ đối với tài sản chung: Không giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Hà Văn Th chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn 300.000 đồng và trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006915 ngày 22/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duyên H, tỉnh Trà Vinh.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hợp lệ hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKS ND huyện Duyên H;
- Chi cục THADS huyện Duyên H;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Kim Thị Hồng Nga